TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 14 tháng 01 năm 2019
V/v "Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bảo và bà Dương Thị Mộng Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 162/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, về việc "Yêu cầu ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H; Địa chỉ nơi cư trú: Làng N, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02-12-1988 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai). Từ khi đăng ký kết hôn cho đến nay hai vợ chồng chung sống với nhau những vẫn nãy sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng hay cãi cọ và đánh nhau. Ông H ra ngoài có chuyện gì phát sinh là về nhà chữi bới, đánh đập, thậm chí còn đuổi bà T ra khỏi nhà, ông H không cho bà T giải thích. Ông H nhiều lần nghi ngờ bà T lấy tiền ở ví của ông H. Vì không thể chịu đựng việc bị ông H vu oan, chữi bới, đánh đập

nên bà T đã bỏ về nhà con gái để sinh sống và ông bà sống ly thân từ tháng 8-2018 cho đến nay. Nay bà T nhận thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Mạnh H;

- Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh H có 04 con chung là cháu Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 11-5-1990; cháu Nguyễn Thảo A, sinh ngày 05-11-1992; cháu Nguyễn Thủy N, sinh ngày 14-6-1994 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 06-11-1995. Hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Nguyễn Mạnh H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Lê Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02-12-1988 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai). Trong quá trình chung sống vợ chồng không nãy sinh mâu thuẫn gì, khi vợ chồng còn trẻ thì trong cuộc sống có đôi lúc vợ chồng cãi vả, có vài lần ông H chữi và đánh bà T. Đến ngày 12-7-2018 thì bà T bỏ đi, nguyên nhân bà T bỏ đi ông H không biết. Từ khi bà T bỏ đi ông H có gọi điện nhưng bà T không nghe máy, có vài lần ông H có nói chuyện với bà T và động viên bà về để hàn gắn gia đình, xây dựng cho con cái sau này, bà T có nói là không hợp nên phải chia tay, cũng từ thời điểm đó vợ chồng sống ly thân. Ngoài việc đó ra thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Do bà T cương quyết yêu cầu ly hôn nên ông H đồng ý.

- Về con chung: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Lê Thị T có 04 con chung là cháu Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 11-5-1990; cháu Nguyễn Thảo A, sinh ngày 05-11-1992; cháu Nguyễn Thủy N, sinh ngày 14-6-1994 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 06-11-1995. Hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, nên ông H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Ông Nguyễn Mạnh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản gốc đơn khởi kiện đề ngày 01-11-2018; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Thủy N, Lê Thị T, Nguyễn Thảo A, Nguyễn Hồng H và Nguyễn Minh H; bản sao Sổ hộ khẩu của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh H; bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh H; bản gốc Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc gửi tài liệu, chứng cứ ngày 02-11-2018; bản gốc Bản tự khai ngày 02-11-2018; bản gốc Bản tự khai ngày 16-11-2018; Bản gốc Bản tự khai ngày 16-11-2018; bản gốc Biên bản xác minh ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện G;

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực

hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Mạnh H cư trú tại làng N, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn Lê Thị T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình chung sống với nhau, bà T và ông H nãy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc cãi vả, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau và ông H thường xuyên uống rượu. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến nhau nên không còn khả năng đoàn tụ. Đồng thời tại phiên tòa, ông H đồng ý ly hôn với bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Các con chung của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh H đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh H.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004934 ngày 02-11-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện G;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính